



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

jo

tu

ell

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

ella

allò

nosaltres

các bạn

họ

cái gì

vosaltres

ells

què

ai

ở đâu

tại sao

qui

on

per què

làm sao

cái nào

lúc nào

com

quin

quan

sau đó

nếu

thật sự

llavors

si

realment

nhưng

bởi vì

không

però

perquè

no

này

đó
vật

tất cả

això

allò

tot

hoặc

và

đây

o

i

aquí

đó
địa điểm

trái

phải

allà

esquerra

dreta

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ara

F
tarda
tardes

M
matí
matins

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

F
nit
nits

M
matí
matins

M
vespre
vespres

buổi trưa

M
migdia
migidies

nửa đêm

F
mitjanit
mitjanits

giờ

F
hora
hores

phút

M
minut
minuts

giây

M
segon
segons

ngày

M
dia
dies

tuần

F
setmana
setmanes

tháng

M
mes
mesos

năm

M
curs
cursos

hôm qua

ahir

hôm nay

avui

ngày mai

demà

thứ hai
ngày

M
dilluns
dilluns

thứ ba
ngày

M
dimarts
dimarts

thứ tư
ngày

M
dimecres
dimecres

thứ năm

M
dijous
dijous

thứ sáu

M
divendres
divendres

thứ bảy

M
dissabte
dissabtes

chủ nhật

M
diumenge
diumenges

đàn bà

F
dona
dones

đàn ông

M
home
homes

tình yêu

M
amor
amors

bạn trai

M
nuvi
nuvis

bạn gái

F
núvia
núvies

bạn
danh từ

M
amic
amics

hôn
danh từ

M
petó
petons

tình dục

M
sexe
sexes

trẻ em

M
nen
nens

con gái
đại cương

F
noia
noies

con trai
đại cương

M
noi
nois

mẹ

F
mare
mares

ba

M
pare
pares

má
mẹ

F
mare
mares

cha

M
pare
pares

cha mẹ

M
pares
pares

con trai
gia đình

M
fill
fills

con gái
gia đình

F
filla
filles

em gái

F
germana petita
germanes petites

em trai

M
germà petit
germans petits

chị gái

F
germana gran
germanes grans

anh trai

M
germà gran
germans grans

chồng

M
marit
marits

vợ

F
esposa
esposes

mỗi / mọi

cada

luôn luôn

sempre

thực ra

en realitat

lần nữa

una altra vegada

đã

ja

ít hơn

menys

phần lớn

la majoria

nhiều hơn

més

không có

cap

rất

molt

ở ngoài

fora

ở trong

dins

xa

lluny

gần

a prop

bên dưới

sota

bên trên

damunt

bên cạnh

al costat

phía trước

davant

phía sau

darrere

mọi người

tothom

cùng nhau

junts

khác

altre

mùa xuân

F
primavera
primaveres

mùa hè

M
estiu
estius

mùa thu

F
tardor
tardors

mùa đông

M
hivern
hiverns

tháng một

M
gener
geners

tháng hai

M
febrer
febrers

tháng ba

M
març
marços

tháng tư

M
abril
abrils

tháng năm

M
maig
maigs

tháng sáu

M
juny
junys

tháng bảy

M
juliol
juliols

tháng tám

M
agost
agosts

tháng chín

M
setembre
setembres

tháng mười

M
octubre
octubres

tháng mười một

M
novembre
novembres

tháng mười hai

M
desembre
desembres

bắc

nord

đông

est

nam

sud

tây

thường xuyên

ngay lập tức

ouest

sovent

immédiatement

đột ngột

mặc dù

de suite

encore que

Số

0

zero

1

un

2

dos

3

tres

4

quatre

5

cinc

6

sis

7

set

8

vuit

9

nou

10

deu

11

onze

12

dotze

13

tretze

14

catorze

15

quinze

16

setze

17

disset

18

divuit

19

dinou

20

vint

21

vint-i-u

22

vint-i-dos

26

vint-i-sis

30

trenta

31

trenta-u

33

trenta-tres

37

trenta-set

40

quaranta

41

quaranta-u

44

quaranta-quatre

48

quaranta-vuit

50

cinquanta

51

cinquanta-u

55

cinquanta-cinc

59

cinquanta-nou

60

seixanta

61

seixanta u

62

seixanta-dos

66

seixanta-sis

70

setanta

71

setanta-u

73

setanta-tres

77

setanta-set

80

vuitanta

81

vuitanta-u

84

vuitanta-quatre

88

vuitanta-vuit

90

noranta

91

noranta-u

95

noranta-cinc

99

noranta-nou

100

cent

101

cent u

105

cent cinc

110

cent deu

151

cent cinquanta-u

200

dos-cents

202

dos-cents dos

206

dos-cents sis

220

dos-cents vint

262

dos-cents seixanta-dos

300

tres-cents

303

tres-cents tres

307

tres-cents set

330

tres-cents trenta

373

tres-cents setanta-tres

400

quatre-cents

404

quatre-cents quatre

408

quatre-cents vuit

440

quatre-cents quaranta

484

quatre-cents vuitanta-quatre

500

cinc-cents

505

cinc-cents cinc

509

cinc-cents nou

550

cinc-cents cinquanta

595

cinc-cents noranta-cinc

600

sis-cents

601

sis-cents u

606

sis-cents sis

616

sis-cents-setze

660

sis-cents seixanta

700

set-cents

702

set-cents dos

707

set-cents set

727

set-cents vint-i-set

770

set-cents setanta

800

vuit-cents

803

vuit-cents tres

808

vuit-cents vuit

838

vuit-cents trenta-vuit

880

vuit-cents vuitanta

900

nou-cents

904

nou-cents quatre

909

nou-cents nou

949

nou-cents quaranta-nou

990

nou-cents noranta

1000

mil

1001

mil u

1012

mil dotze

1234

mil dos-cents trenta-quatre

2000

dos mil

2002

dos mil dos

2023

dos mil vint-i-tres

2345

dos mil tres-cents quaranta-cinc

3000

tres mil

3003

tres mil tres

4000

quatre mil

4045

quatre mil quaranta-cinc

5000

cinc mil

5678

cinc mil sis-cents setanta-vuit

6000

sis mil

7000

set mil

7890

set mil vuit-cents noranta

8000

vuit mil

8901

vuit mil nou-cents un

9000

nou mil

9090

nou mil noranta

10.000

deu mil

10.001

deu mil u

20.020

vint mil vint

30.300

trenta mil tres-cents

44.000

quaranta-quatre mil

100.000

cent mil

500.000

cinc-cents mil

1.000.000

un milió

6.000.000

sis milions

10.000.000

deu milions

70.000.000

setanta milions

100.000.000

cent milions

800.000.000

vuit-cents milions

1.000.000.000

mil milions

9.000.000.000

nou mil milions

10.000.000.000

deu mil milions

20.000.000.000

vint mil milions

100.000.000.000

cent mil milions

300.000.000.000

tres-cents mil milions

1.000.000.000.000

un bilió

Động từ

biết

saber
sé, sabut

nghĩ

pensar
penso, pensat

đến

venir
vinc, vingut

đặt

posar
poso, posat

lấy

agafar
agafo, agafat

tìm

trobar
trobo, trobat

nghe

escoltar
escolto, escoltat

làm việc

treballar
treballo, treballat

nói chuyện

parlar
parlo, parlat

cho

donar
dono, donat

thích

agradar
agrado, agradat

giúp đỡ

ajudar
ajudo, ajudat

yêu

estimar
estimo, estimat

gọi

trucar
truco, trucat

chờ đợi

esperar
espero, esperat

đứng

mantenir
mantinc, mantingut

ngồi

seure
sec, segut

đóng

tancar
tanco, tancat

mở
cửa

obrir
obro, obert

thua

perdre
perdo, perdut

thắng

guanyar
guanyo, guanyat

chết

morir
moro, mort

sống
động từ

viure
visc, viscut

bật

encendre
encenc, encès

tắt

apagar
apago, apagat

giết

matar
mato, matat

làm bị thương

ferir
fereixo, ferit

chạm

tocar
toco, tocat

xem

mirar
miro, mirat

uống

beure
bec, begut

ăn

menjar
menjo, menjat

đi bộ

caminar
camino, caminat

gặp

conèixer
conec, conegut

đặt cược

apostar
aposto, apostat

hôn
động từ

petonejar
petonejo, petonejat

đi theo

seguir
segueixo, seguit

cưới

casar
caso, casat

trả lời

respondre
responc, respost

hỏi

preguntar
pregunto, preguntat

kéo

tirar
tiro, tirat

đẩy

empènyer
empenyo, empès

ấn

prémer
premo, premut

đánh

colpejar
colpejo, colpejat

bắt

agafar
agafo, agafat

chiến đấu

lluitar
lluito, lluitat

ném

llançar
llanço, llançat

chạy
động từ

córrer
corro, correput

đọc

llegir
llegeixo, llegit

viết

escriure
escric, escrit

sửa chữa

arreglar
arreglo, arreglat

đếm

contar
conto, contat

cắt

tallar
tallo, tallat

bán

vendre
venc, venut

mua

comprar
compro, comprat

trả

pagar
pago, pagat

học

estudiar
estudio, estudiant

mơ

somiar
somio, somiat

ngủ

dormir
dormo, dormit

chơi

jugar
jugo, jugat

ăn mừng

celebrar
celebro, celebrat

thưởng thức

gaudir
gaudeixo, gaudit

dọn dẹp

netejar
netejo, netejat

bắn

disparar
disparo, disparat

bảo vệ

defensar
defenso, defensat

tấn công

atacar
ataco, atacat

trộm

robar
robo, robat

đốt

cremar
cremo, cremat

cứu

rescatar
rescato, rescatat

bay

volar
volo, volat

khắc nhổ

escopir
escupo, escopit

đá
động từ

donar puntades
dono puntades, donat puntades

cắn

mossegar
mossego, mossegat

thở

respirar
respiro, respirat

ngửi

olorar
oloro, olorat

khóc

plorar
ploro, plorat

hát

cantar
canto, cantat

cười mỉm

somriure
somric, somrigut

cười

riure
ric, rigut

lớn lên

crèixer
creixo, crescut

co lại

encongir
encongeixo, encongit

tranh luận

discutir
discuteixo, discutit

chia sẻ

compartir
comparteixo, compartit

cho ăn

alimentar
alimento, alimentat

trốn

amagar
amago, amagat

cảnh báo

avisar
aviso, avisat

bơi

nedar
nedo, nedat

nhảy

saltar
salto, saltat

nâng

aixecar
aixeco, aixecat

đào

cavar
cavo, cavat

giao hàng

entregar
entrego, entregat

tìm kiếm

buscar
busco, buscat

luyện tập

practicar
practico, practicat

đi du lịch

viatjar
viatjo, viatjat

vẽ

pintar
pinto, pintat

mở
khóa

obrir
obro, obert

khóa

tancar
tanco, tancat

rửa

rentar
rento, rentat

cầu nguyện

pregar
prego, pregat

nấu ăn

cuinar
cuino, cuinat

nôn

vomitar
vomito, vomitat

la hét

cridar
crido, cridat

trích dẫn

citar
cito, citat

in

imprimir
imprimeixo, imprès

tính toán

calcular
calculo, calculat

kiếm tiền

guanyar
guanyo, guanyat

Tính từ

mới

nou
nova, nous, noves

cũ

vell
vella, vells, velles

ít

pocs
poques

nhiều

molts
moltes

sai

incorrecte
incorrecta, incorrectes, incorrectes

chính xác

correcte
correcta, correctes, correctes

xấu

dolent
dolenta, dolents, dolentes

tốt

bo
bona, bons, bones

hạnh phúc

feliç
feliç, feliços, felices

ngắn

curt
curta, curts, curtes

dài

llarg
llarga, llargs, llargues

nhỏ

petit
petita, petits, petites

lớn
to

gran
gran, grans, grans

xinh đẹp

bonic
bonica, bonics, boniques

trẻ

jove
jove, joves, joves

già

vell
vella, vells, velles

màu trắng

blanc
blancs

màu đen

negre
negres

màu đỏ

vermell
vermells

màu xanh da trời

blau
blaus

màu xanh lá cây

verd
verds

màu vàng

groc
grocs

chậm

lent
lenta, lents, lentes

nhanh

ràpid
ràpida, ràpids, ràpides

vui vẻ

divertit
divertida, divertits, divertides

không công bằng

injust
injusta, injusts, injustes

công bằng

just
justa, justs, justes

khó

difícil
difícil, difícils, difícils

dễ

fàcil
fàcil, fàcils, fàcils

giàu

ric
rica, rics, riques

nghèo

pobre
pobra, pobres, pobres

khỏe

fort
forta, forts, fortes

yếu

feble
feble, febles, febles

an toàn

segur
segura, segurs, segures

mệt mỏi

cansat
cansada, cansats, cansades

tự hào

orgullós
orgullosa, orgullosos, orgulloses

no bụng

ple
plena, plens, plenes

bệnh

malalt
malalta, malalts, malaltes

khỏe mạnh

saludable
saludable, saludables, saludables

tức giận

enfadat
enfadada, enfadats, enfadades

thấp
đại cương

baix
baixa, baixos, baixes

cao
đại cương

alt
alta, alts, altes

ngọt

dolç
dolça, dolços, dolces

chua

àcid
àcida, àcids, àcides

mềm

suau
suau, suaus, suaus

cứng

dur
dura, durs, dures

đáng yêu

bonic
bonica, bonics, boniques

ngu ngốc

estúpid
estúpida, estúpides, estúpides

điên khùng

boig

boija, boigs, boiges

bận rộn

ocupat

ocupada, ocupats, ocupades

cao
người

alt

alta, alts, altes

thấp
người

baix

baixa, baixos, baixes

lo lắng

preocupat

preocupada, preocupats,
preocupades

ngạc nhiên

sorprès

sorpresa, sorpresos, sorpreses

cư xử tốt

educat

educada, educats, educades

ác độc

malvat

malvada, malvats, malvades

khéo léo

intel·ligent

intel·ligent, intel·ligents, intel·ligents

lạnh

fred

freda, freds, fredes

nóng

calent

calenta, calents, calentes

màu cam

taronja

taronges

màu xám

gris
grisos

màu nâu

marró
marrons

màu hồng

rosa
roses

nhàm chán

avorrit
avorrida, avorrits, avorrides

nặng

pesat
pesada, pesats, pesades

nhẹ

lleuger
lleugera, lleugers, lleugeres

cô đơn

solitari
solitària, solitaris, solitàries

đói bụng

famolenc
famolenca, famolencs, famolenques

khát nước

assedegat
assedegada, assedegats,
assedegades

buồn

trist
trista, trists, tristes

dốc

abrupte
abrupta, abruptes, abruptes

bằng phẳng

pla
plana, plans, planes

hẹp

estret
estreta, estrets, estretes

rộng

ampli
àmplia, amplis, àmplies

sâu

profund
profunda, profunds, profundes

nông

poc profund
poc profunda, poc profunds, poc profundes

lớn
rất

enorme
enorme, enormes, enormes

bẩn

brut
bruta, bruts, brutes

sạch sẽ

net
neta, nets, netes

đầy

ple
plena, plens, plenes

trống rỗng

buit
buida, buits, buides

đắt

car
cara, cars, cares

rẻ

barat
barata, barats, barates

quyến rũ

atractiu
atractiva, atractius, atractives

lười biếng

mandrós

mandrosa, mandrosos, mandroses

dũng cảm

valent

valenta, valents, valentes

hào phóng

generós

generosa, generosos, generoses

ướt

mullat

mullada, mullats, mullades

khô

sec

seca, secs, seques

ồn ào

fort

forta, forts, fortes

yên tĩnh

tranquil

tranquil·la, tranquils, tranquil·les

năng

asselellat

asselellada, asselellats, asselellades

nhiều mưa

plujós

plujosa, plujosos, plujoses

sương mù
tính từ

boirós

boirosa, boirosos, boiroses

nhiều mây

ennuolat

ennuolada, ennuolats,
ennuolades

Thể thao

thể dục dụng cụ

F
gimnàstica

quần vợt

M
tennis

chạy
danh từ

F
carrera a peu

đạp xe

M
ciclisme

đánh golf

M
golf

bóng đá

M
futbol

bóng rổ

M
bàsquet

bơi lội

F
natació

lặn

M
busseig

đi bộ đường dài

M
senderisme

chạy marathon

F
marató

ba môn phối hợp

M
triatló

bóng bàn

M
tennis taula

cử tạ

F
halterofília

quyền anh

F
boxa

cầu lông

M
bàdminton

trượt băng nghệ thuật

M
patinatge artístic sobre gel

trượt ván tuyết

M
surf de neu

trượt tuyết

M
esquí

trượt tuyết băng đồng

M
esquí de fons

khúc côn cầu trên băng

M
hoquei sobre gel

bóng chuyền

M
voleibol

bóng ném

M
handbol

bóng chuyền bãi biển

M
voleibol de platja

bóng rugby

^M
rugby

bóng gậy

^M
criquet

bóng chày

^M
beisbol

bóng bầu dục Mỹ

^M
futbol america

bóng nước

^M
waterpolo

nhảy cầu

^M
salt

lướt sóng

^M
surf

đua thuyền buồm

^F
vela

chèo thuyền

^M
rem

yoga

^M
ioga

khiêu vũ

^F
dansa

nhảy dù

^M
paracaigudisme

cờ vua

M
escacs

đánh bài poker

M
poker

bowling

F
bitlles

múa ba lê

M
ballet

Động vật

con lợn

M
porc
porcs

con bò

F
vaca
vaques

con ngựa

M
cavall
cavalls

con chó

M
gos
gossos

con cừu

F
ovella
ovelles

con khỉ

M
mico
micos

con mèo

M
gat
gats

con gấu

M
os
ossos

con gà

M
pollastre
pollastres

con vịt

M
ànec
ànecs

con bướm

F
papallona
papallones

con ong

F
abella
abelles

con cá

M
peix
peixos

con nhện

F
aranya
aranyes

con rắn

F
serp
serps

con hổ

M
tigre
tigres

con chuột

M
ratolí
ratolins

con thỏ

M
conill
conills

con sư tử

M
lleó
lleons

con lừa

M
ase
ases

con voi

M
elefant
elefants

con chim bồ câu

M
colom
coloms

con bọ

F
cuca
cuques

con muỗi

M
mosquit
mosquits

con ruồi

F
mosca
mosques

con kiến

F
formiga
formigues

con cá voi

F
balena
balenes

con cá mập

M
tauró
taurons

con cá heo

M
dofí
dofins

con ốc sên

M
cargol
cargols

con ếch

F
granota
granotes

con gấu trúc

M
panda
pandes

con gấu Bắc cực

M
os polar
ossos polars

con chó sói

M
llop
llops

con gấu túi

M
coala
coales

con chuột túi

M
cangur
cangurs

con hươu cao cổ

F
girafa
girafes

con cáo

F
guineu
guineus

con hà mã

M
hipopòtam
hipopòtams

con dơi

M
ratpenat
ratpenats

con quạ

M
corb
corbs

con thiên nga

M
cigne
cignes

con chim hải âu

F
gavina
gavines

con cú

M
mussol
mussols

con chim cánh cụt

M
pingüí
pingüins

con vẹt

M
lloro
lloros

con sâu bướm

F
eruga
erugues

con chuồn chuồn

F
libèl·lula
libèl·lules

con mực ống

M
calamar
calamars

con bạch tuộc

M
pop
pops

con cá ngựa

M
cavallet de mar
cavallets de mar

con hải cẩu

F
foca
foques

con sứa

F
medusa
meduses

con cua

M
cranc
crancs

con khủng long

M
dinosaure
dinosaurès

con rùa cạn

F
tortuga
tortugues

con cá sấu

M
cocodril
cocodrils

Quốc gia

Châu Âu

Europa

Châu Á

Àsia

Châu Mỹ

Amèrica

Châu Phi

Àfrica

Vương quốc Anh

Regne Unit

Tây Ban Nha

Espanya

Thụy sĩ

Suïssa

Ý

Itàlia

Pháp

França

Đức

Alemanya

Thái Lan

Tailàndia

Singapore

Singapur

Nga

Nhật Bản

Israel

Rússia

Japó

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Índia

Xina

Estats Units d'Amèrica

Mexico

Canada

Chile

Mèxic

Canadà

Xile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Brasil

Argentina

Sud-Àfrica

Nigeria

Nigèria

Ma Rốc

Marroc

Libya

Líbia

Kenya

Kenya

Algeria

Algèria

Ai Cập

Egipte

New Zealand

Nova Zelanda

Úc

Austràlia

Cơ thể

đầu

M
cap
caps

mũi

M
nas
nassos

tóc

M
cabell
cabells

miệng

F
boca
boques

tai

F
orella
orelles

mắt

M
ull
ulls

bàn tay

F
mà
mans

bàn chân

M
peu
peus

tim

M
cor
cors

não

M
cervell
cervells

cổ

M
coll
colls

mông

M
cul
culs

vai

F
espatlla
espatlles

đầu gối

M
genoll
genolls

chân

F
cama
cames

tay

M
braç
braços

bụng

M
ventre
ventres

ngực

M
pit
pits

lưng

F
esquena
esquenes

răng

F
dent
dents

lưỡi

F
llengua
llengües

môi

M
llavi
llavis

ngón tay

M
dit
dits

ngón chân

M
dit del peu
dits del peu

dạ dày

M
estómac
estómacs

phổi

M
pulmó
pulmons

gan

M
fetge
fetges

dây thần kinh

M
nervi
nervis

thận

M
ronyó
ronyons

ruột

M
intestí
intestins

trán

M
front
fronts

cằm

M
mentó
mentons

má
cơ thể

F
galta
galtes

râu

F
barba
barbes

ngón cái

M
polze
polzes

ngón tay út

M
dit petit
dits petit

ngón tay đeo nhẫn

M
dit anular
dits anular

ngón tay giữa

M
dit del cor
dits del cor

ngón tay trỏ

M
dit índex
dits índex

móng tay

F
ungla
ungles

gót chân

M
taló
talons

xương sống

F
columna vertebral
columnes vertebrals

cơ bắp

M
múscul
músculs

xương
cơ thể

M
os
ossos

bộ xương

M
esquelet
esquelets

xương sườn

F
costella
costelles

đốt sống

F
vèrtebra
vèrtebres

bàn quang

F
bufeta
bufetes

tĩnh mạch

F
vena
venes

động mạch

F
artèria
artèries

âm đạo

F
vagina
vagines

tinh trùng

F
esperma
espermes

dương vật

M
penis
penis

tinh hoàn

M
testicle
testicles

Ngôi nhà

cửa

F
porta
portes

nhà bếp

F
cuina
cuines

phòng tắm

M
bany
banys

phòng khách

F
sala d'estar
sales d'estar

phòng ngủ

M
dormitori
dormitoris

vườn

M
jardí
jardins

gara

M
garatge
garatges

tường

F
paret
parets

tầng hầm

M
soterrani
soterranis

nhà vệ sinh
nhà ở

M
lavabo
lavabos

cầu thang

F
escales
escales

mái nhà

M
sostre
sostres

cửa sổ
tòa nhà

F
finestra
finestres

dao

M
ganivet
ganivets

tách

F
tassa
tasses

ly

M
vidre
vidres

đĩa

M
plat
plats

cốc

F
tassa
tasses

thùng rác

M
cubell d'escombraries
cubells d'escombraries

tô

M
bol
bols

bàn
văn phòng

M
escriptori
escriptoris

giường

M
llit
llits

gương

M
mirall
miralls

vòi hoa sen

F
dutxa
dutxes

ghế sofa

M
sofà
sofàs

ảnh

F
imatge
imatges

đồng hồ

M
rellotge
rellotges

bàn
nhà

F
taula
taules

ghế
nhà

F
cadira
cadires

hàng xóm

M
veí
veïns

thang máy

M
ascensor
ascensors

ban công

M
balcó
balcons

gác xép

M
àtic
àtics

ống khói

F
xemeneia
xemeneies

muỗng gỗ

F
cullera de fusta
culleres de fusta

đũa

M
escuradents
escuradents

bộ dao nĩa

M
coberts
coberts

muỗng

F
cullera
culleres

nĩa

F
forquilla
forquilles

cái vá

M
cullerot
cullerots

nồi

F
olla
olles

chảo

F
paella
paelles

bóng đèn

F
bombeta
bombetes

giá sách

M
prestatge per a llibres
prestatges per a llibres

rèm

F
cortina
cortines

nệm

M
matalàs
matalassos

gối

M
coixí
coixins

chăn

F
manta
mantes

kệ

M
prestatge
prestatges

ngăn kéo

M
calaix
calaixos

tủ quần áo

M
armari
armaris

xô

F
cubeta
cubetes

chổi

F
escombra
escombres

cái cân

F
escala
escales

giỏ đựng đồ giặt

F
cistella de la roba
cistelles de la roba

bồn tắm

F
banyera
banyeres

khăn tắm
to lớn

F
tovallola de bany
tovalloles de bany

xà phòng

M
sabó
sabons

giấy vệ sinh

M
paper de vàter
papers de vàter

khăn tắm
nhỏ bé

F
tovallola
tovalloles

bồn rửa mặt

M

lavabo

lavabos

cái thang

F

escala

escales

hộp thư

F

bústia de correu

bústies de correu

hàng rào

F

tanca

tanques

Thức ăn

trứng

M
ou
ous

phô mai

M
formatge
formatges

sữa

F
llet
llets

cá

M
peix
peixos

thịt

F
carne
carns

xương
món ăn

M
os
ossos

dầu

M
oli
olis

bánh mì

M
pa
pans

đường
món ăn

M
sucres
sucres

sô cô la

F
xocolata
xocolates

kẹo

M
caramel
caramels

bánh bông lan

M
pastís
pastissos

nước

F
aigua
aigües

cà phê

M
café
cafès

trà

M
te
tes

bia

F
cervesa
cerveses

rượu nho

M
vi
vins

sa lát

F
amanida
amanides

súp

F
sopa
sopes

món tráng miệng

F
postres
postres

bữa ăn sáng

M
esmorzar
esmorzars

bữa trưa

M
dinar
dinars

bữa tối

M
sopar
sopars

pizza

F
pizza
pizzas

kem

M
gelat
gelats

bơ

F
mantega
mantegues

sữa chua

M
iogurt
iogurts

cá ngừ

F
tonyina
tonyines

cá hồi

M
salmó
salmons

giăm bông

M
pernil
pernils

thịt ba rọi

F
cansalada
cansalades

xúc xích

F
salsitxa
salsitxes

thịt gà tây

F
carn de gall dindi
carns de gall dindi

thịt gà

F
carn de pollastre
carns de pollastre

thịt bò

F
carn de vedella
carns de vedella

thịt heo

F
carn de porc
carns de porc

thịt cừu

F
carne de xai
carne de xai

bí ngô

F
carbassa
carbasses

nấm

M
bolet
bolets

nấm cùc

F
trufa
trufes

tỏi

M
all
alls

tỏi tây

M
porro
porros

gừng

M
gingebre
gingebres

cà tím

F
albergínia
albergínies

khoai lang

M
moniato
moniatos

cà rốt

F
pastanaga
pastanagues

dưa chuột

M
cogombre
cogombres

ớt

M
bitxo
bitxos

ớt chuông

M
pebrot
pebrots

củ hành

F
ceba
cebes

khoai tây

F
patata
patates

bông cải trắng

F
coliflor
coliflors

bắp cải

F
col
cols

bông cải xanh

M
bròquil
bròquils

xà lách

M
enciam
enciams

rau chân vịt

M
espinacs
espinacs

tre

M
bambú
bambús

ngô

M
blat de moro
blats de moro

cần tây

M
api
apis

đậu Hà Lan

M
pèsol
pèsols

hạt đậu

M
fesol
fesols

quả lê

F
pera
peres

quả táo

F
poma
pomes

quả ô liu

F
oliva
olives

quả sung

F
figa
figues

quả chà là

M
dàtil
dàtils

quả dừa

M
coco
cocos

quả hạnh nhân

F
ametlla
ametlles

hạt phỉ

F
avellana
avellanes

đậu phộng

M
cacauet
cacauets

quả chuối

M
plàtan
plàtans

quả xoài

M
mango
mangos

quả kiwi

M
kiwi
kiwis

quả bơ

M
alvocat
alvocats

quả dứa

F
pinya
pinyes

dưa hấu

F
síndria
síndries

quả nho

M
raïm
raïms

dưa gang

M
meló
melons

quả mâm xôi

M
gerd
gerds

quả việt quất

M
nabiu
nabius

quả dâu tây

F
maduixa
maduixes

quả anh đào

F
cirera
cireres

quả mận

F
pruna
prunes

quả mơ

M
albercoc
albercocs

quả đào

M
préssec
préssecs

quả chanh

F
llimona
llimones

quả bưởi

F
aranja
aranges

quả cam

F
taronja
taronges

cà chua

M
tomàquet
tomàquets

bạc hà

F
menta
mentes

sả

F
citronel·la
citronel·les

quế

F
canyella
canyelles

vani

F
vainilla
vainilles

muối

F
sal
sals

tiêu

M
pebre
pebres

cà ri

M
curri
curris

thuốc lá
thực vật

M
tabac
tabacs

đậu hũ

M
tofu
tofus

giấm

M
vinagre
vinagres

mì sợi

M
fideu
fideus

sữa đậu nành

F
llet de soja
llets de soja

bột mì

F
farina
farines

gạo

M
arròs
arrossos

yến mạch

F
civada
civades

lúa mì

M
blat
blats

đậu nành

F
soja
soges

hạt

F
nou
nous

mật ong

F
mel
mels

mút

F
melmelada
melmelades

kẹo cao su

M
xiclet
xiclets

bánh kếp

M
crep americana
creps americana

bánh quy

F
galleta
galletes

bánh pudding

M
púdینگ
púdings

bánh muffin

M
muffin
muffins

bánh rán vòng

M
donut
donuts

nước tăng lực

F
beguda energètica
begudes energètiques

nước cam

M
suc de taronja
sucs de taronja

nước táo

M
suc de poma
sucs de poma

sữa lắc

M
batut de llet
batuts de llet

coca cola

F
cola
coles

sô cô la nóng

F
xocolata calenta
xocolates calentes

rượu cocktail

M
còctel
còctels

rượu rum

M
rom
roms

rượu whisky

M
whisky
whiskys

rượu vodka

M
vodka
vodkes

thực đơn

M
menú
menús

hải sản

M
marisc
mariscs

mì Ý

M
espaguetis
espaguetis

sushi

M
sushi
sushis

bắp rang bơ

F
crispetes
crispetes

khoai tây lát mỏng

F
patates xips
patates xips

cánh gà

F
ales de pollastre
ales de pollastres

khoai tây chiên

F
patates fregides
patates fregides

mù tạt

F
mostassa
mostasses

sốt mayonnaise

F
maionesa
maioneses

nước sốt cà chua

F
salsa de tomàquet
salses de tomàquet

bánh mì kẹp

M
entrepà
entrepans

bánh mì kẹp xúc xích

M
hot dog
hot dogs

bánh burger

F
hamburguesa
hamburgueses

Trường học

sách

M
llibre
llibres

thư viện

F
biblioteca
biblioteques

bài tập về nhà

M
deures
deures

bài thi

M
examen
exàmens

bài học

F
llicó
llicons

khoa học

F
ciència
ciències

lịch sử

F
història
històries

nghệ thuật

M
art
arts

cây bút

M
bolígraf
bolígrafs

bút chì

M
llapis
llapis

thứ nhất

M
primer
primers

thứ hai
2

M
segon
segons

thứ ba
3

M
tercer
tercers

thứ tư
4

M
quart
quarts

ngiên cứu

F
recerca
recerques

bằng cấp

M
grau
graus

sân thể thao

M
camp esportiu
camps esportius

từ điển

M
diccionari
diccionaris

học kì

M
trimestre
trimestres

sổ tay

M
quadern
quaderns

hình học

F
geometria
geometries

chính trị học

F
política
polítics

triết học

F
filosofia
filosofies

kinh tế học

F
economia
eonomies

giáo dục thể chất

F
educació física
educacions físiques

sinh học

F
biologia
biologies

toán học

F
matemàtiques
matemàtiques

địa lý

F
geografia
geografies

văn học

F
literatura
literatures

hóa học

F
química
químiques

vật lý

F
física
físiques

cải thước

M
regle
regles

cục tẩy

F
goma d'esborrar
gomes d'esborrar

cái kéo

F
tisoires
tisoires

băng dính

F
cinta adhesiva
cintes adhesives

keo dán

F
cola
coles

bút bi

M
bolígraf
bolígrafs

kẹp giấy

M
clip
clips

3%

tres per cent

100%

cent per cent

0%

zero per cent

mét khối

M
metre cúbic
metres cúbics

mét vuông

M
metre quadrat
metres quadrats

dặm

F
milla
milles

mét

M
metre
metres

mi-li-mét

M
mil·límetre
mil·límetres

xen-ti-mét

M
centímetre
centímetres

đề-xi-mét

M
decímetre
decímetres

phép cộng

F
suma
sumes

phép trừ

F
resta
restes

phép nhân

F
multiplicació
multiplicacions

phép chia

F
divisió
divisions

diện tích

F
àrea
àrees

thể tích

M
volum
volums

hình chữ nhật

M
rectangle
rectangles

hình vuông

M
quadrat
quadrats

tam giác

M
triangle
triangles

hình tròn

M
cercle
cercles

lít

M
litre
litres

mililít

M
mil·lilitre
mil·lilitres

tấn

F
tona
tones

kilôgam

M
quilogram
quilograms

gram

M
gram
grams

nam châm

M
imant
imants

kính hiển vi

M
microscopi
microscopis

cái phễu

M
embut
embuts

phòng thí nghiệm

M
laboratori
laboratoris

bài giảng

F
conferència
conferències

Thiên nhiên

tro

F
cendra
cendres

lửa

M
foc
focs

kim cương

M
diamant
diamants

mặt trăng

F
lluna
llunes

mặt trời

M
sol
sols

ngôi sao

F
estrella
estrelles

hành tinh

M
planeta
planetes

bờ biển
biển

F
costa
costes

hồ

M
llac
llacs

rừng

M
bosc
boscos

sa mạc

M
desert
deserts

đồi núi

M
turó
turons

đá
danh từ

F
roca
roques

con sông

M
riu
rius

thung lũng

F
vall
valls

núi

F
muntanya
muntanyes

đảo

F
illa
illes

đại dương

M
oceà
oceans

biển

M
mar
mars

băng

M
gel
gels

tuyết

F
neu
neus

bão táp

F
tempesta
tempestes

mưa

F
pluja
pluges

gió

M
vent
vents

cây

M
arbre
arbres

cỏ

F
herba
herbes

hoa hồng

F
rosa
roses

hoa

F
flor
flors

kim loại

M
metall
metalls

đất

M
sòl
sòls

dung nham

F
lava
laves

than

M
carbó
carbons

cát

F
sorra
sorres

đất sét

F
argila
argiles

tên lửa

M
coet
coets

vệ tinh

M
satèl·lit
satèl·lits

thiên hà

F
galàxia
galàxies

tiểu hành tinh

M
asteroide
asteroides

lục địa

M
continent
continents

đường Xích đạo

M
equador
equadors

Nam cực

M
pol sud
pols sud

Bắc cực

M
pol nord
pols nord

suối

M
corrent
corrents

rừng nhiệt đới

F
selva tropical
selves tropicals

hang

F
cova
coves

thác nước

F
cascada
cascades

bờ biển
con sông

F
riba
ribes

sông băng

F
glacera
glaceres

động đất

M
terratrèmol
terratrèmols

miệng núi lửa

M
cràter
cràters

núi lửa

M
volcà
volcans

khí quyển

F
atmosfera
atmosferaes

lũ lụt

F
inundació
inundacions

sương mù
danh từ

F
boira
boires

cầu vồng

M
arc de Sant Martí
arcs de Sant Martí

tiếng sấm

M
tro
trons

tia chớp

M
raig
raigs

cơn dông

F
tempesta elèctrica
tempestes elèctriques

nhệt độ

F
temperatura
temperatures

bão nhiệt đới

M
tifó
tifons

bão

M
huracà
huracans

mây

M
núvol
núvols

cành cây

F
branca
branques

lá cây

F
fulla
fulles

rễ cây

F
arrel
arrels

thân cây

M
tronc
troncs

hạt giống

F
llavor
llavors

nhựa

M
plàstic
plàstics

cacbon điôxít

M
diòxid de carboni
diòxids de carboni

nguyên tử

M
àtom
àtoms

sắt

M
ferro
ferros

ôxy

M
oxigen
oxigens

vàng

M
or
ors

bạc

F
plata
plates

Giao thông

xe hơi

M
cotxe
cotxes

xe buýt

M
autobús
autobusos

xe lửa

M
tren
trens

ga xe lửa

F
estació de tren
estacions de tren

trạm dừng xe buýt

F
parada d'autobús
parades d'autobús

máy bay

M
avió
avions

tàu

M
vaixell
vaixells

xe tải

M
camió
camions

xe đạp

F
bicicleta
bicicletes

xe mô tô

F
motocicleta
motocicletes

xe taxi

M
taxi
taxis

đèn giao thông

M
semàfor
semàfors

bãi đậu xe

M
aparcament
aparcaments

đường
xe hơi

F
carretera
carreteres

ắc quy

F
bateria
bateries

động cơ
xe hơi

M
motor
motors

túi khí

M
coixí de seguretat
coixins de seguretat

vô-lăng

M
volant
volants

dây an toàn

M
cinturó de seguretat
cinturons de seguretat

lốp xe

M
pneumàtic
pneumàtics

cốp sau

M
maleter
maleters

máy bán vé

F
màquina expenedora de bitllets
màquines expenedores de bitllets

phòng bán vé

F
taquilla
taquilles

tàu điện ngầm

M
metro
metros

tàu cao tốc

M
tren d'alta velocitat
trens d'alta velocitat

đầu máy

F
locomotora
locomotores

xe điện

M
tramvia
tramvies

xe buýt trường học

M
autobús escolar
autobusos escolars

xe buýt nhỏ

M
minibus
minibuses

sân bay

M
aeroport
aeroports

hãng hàng không

F
aerolínia
aerolínies

máy bay trực thăng

M
helicòpter
helicòpters

hạng nhất

F
primera classe
primeres classes

hạng phổ thông

F
classe turista
classes turistes

hạng thương gia

F
classe executiva
classes executives

áo phao

F
armilla salvavides
armilles salvavides

công ten nơ

M
contenidor
contenidors

tàu ngầm

M
submarí
submarins

tàu du lịch

M
creuer
creuers

tàu chở hàng

M
vaixell mercant
vaixells mercants

du thuyền

M
iot
iots

phà

M
ferri
ferris

hải cảng

M
port
ports

xuồng cứu sinh

M
bot salvavides
bots salvavides

ra đa

M
radar
radars

đèn đường

F
llum del carrer
llums del carrer

vĩa hè

M
paviment
paviments

trạm xăng

F
benzinera
benzineres

công trường

M
lloc de construcció
llocs de construcció

vạch qua đường

M
pas de vianants
passos de vianants

tắc đường

M
embús de trànsit
embussos de trànsit

đường cao tốc

F
autopista
autopistes

xe tăng

M
tanc
tancs

máy xúc

F
excavadora
excavadores

máy kéo

M
tractor
tractors

rơ-moóc

M
remolc
remolcs

xe tay ga

M
ciclomotor
ciclomotors

xe cáp treo

M
telefèric
telefèrics

Thành phố

bệnh viện

M
hospital
hospitals

trường học

F
escola
escoles

nhà ở

F
casa
cases

hóa đơn

F
factura
factures

chợ

M
mercat
mercats

siêu thị

M
supermercat
supermercats

căn hộ

M
apartament
apartaments

trường đại học

F
universitat
universitats

nông trại

F
granja
granges

nhà thờ

F
església
esglésies

nhà hàng

M
restaurant
restaurants

quán bar

M
bar
bars

phòng thể dục

M
gimnàs
gimnasos

công viên

M
parc
parcs

nhà vệ sinh
đại cương

M
lavabo
lavabos

bản đồ

M
mapa
mapes

xe cứu thương

F
ambulància
ambulàncies

cảnh sát
đại cương

F
policia
policies

lính cứu hỏa
đại cương

M
bomber
bombers

quốc gia

M
país
països

ngoại ô

M
suburbi
suburbis

ngôi làng

M
poble
pobles

bảo hành

F
garantia
garanties

trung tâm mua sắm

M
centre comercial
centres comercials

tiệm thuốc

F
farmàcia
farmàcies

tòa nhà chọc trời

M
gratacels
gratacels

lâu đài

M
castell
castells

đại sứ quán

F
ambaixada
ambaixades

giáo đường Do Thái

F
sinagoga
sinagogues

ngôi đền

M
temple
temples

nhà máy

F
fàbrica
fàbriques

nhà thờ Hồi giáo

F
mesquita
mesquites

tòa thị chính

M
ajuntament
ajuntaments

bưu điện

F
oficina de correus
oficines de correus

đài phun nước

F
font
fonts

câu lạc bộ đêm

F
discoteca
discoteques

băng ghế

M
banc
bancs

sân golf

M
camp de golf
camps de golf

sân bóng đá

M
estadi de futbol
estadis de futbol

hồ bơi
tòa nhà

F
piscina
piscines

sân quần vợt

F
pista de tennis
pistes de tennis

thông tin du lịch

F
informació turística
informacions turístiques

sòng bạc

M
casino
casinos

phòng triển lãm nghệ thuật

F
galeria d'art
galeries d'art

bảo tàng

M
museu
museus

công viên quốc gia

M
parc nacional
parcs nacionals

quà lưu niệm

M
record
records

thủy cung

M
aquari
aquaris

trượt nước

M
tobogan
tobogans

tàu lượn siêu tốc

F
muntanya russa
muntanyes russes

công viên nước

M
parc aquàtic
parcs aquàtics

vườn bách thú

M
zoològic
zoològics

sân chơi

M
parc infantil
parcs infantils

cửa thoát hiểm
tòa nhà

F
sortida d'emergència
sortides d'emergència

chuông báo cháy

F
alarma d'incendis
alarmes d'incendis

bình cứu hỏa

M
extintor
extintors

đồn cảnh sát

F
comissaria
comissaries

tiểu bang

M
estat
estats

khu vực

F
regió
regions

thủ đô

F
capital
capitals

Bệnh viện

tai nạn

M
accident
accidents

bệnh nhân

M
pacient
patients

phẫu thuật

F
cirurgia
cirurgies

viên thuốc

F
píndola
píndoles

sốt

F
febre
febres

ho

F
tos
tos

phòng cấp cứu

F
sala d'emergències
sales d'emergències

khoa hồi sức tích cực

F
unitat de cures intensives
unitats de cures intensives

phòng chờ

F
sala d'espera
sales d'espera

thuốc aspirin

F
aspirina
aspirines

thuốc ngủ

F
pastilla per dormir
pastilles per dormir

ngày hết hạn

F
data de caducitat
dates de caducitat

liều lượng

F
dosificació
dosificacions

si-rô ho

M
xarop per a la tos
xarops per a la tos

tác dụng phụ

M
efecte secundari
efectes secundaris

insulin

F
insulina
insulines

bột

F
pols
pols

viên nhộng

F
càpsula
càpsules

vitamin

F
vitamina
vitamines

thuốc giảm đau

M
analgèsic
analgèsics

kháng sinh

M
antibiòtics
antibiòtics

vi khuẩn

M
bacteri
bacteris

vi rút

M
virus
virus

đau tim

M
atac de cor
atacs de cor

tiêu chảy

F
diarrhea
diarrees

tiểu đường

F
diabetis
diabetis

đột quỵ

M
accident cerebrovascular
accidents cerebrovasculars

hen suyễn

F
asma
asmes

ung thư

M
càncer
càncers

cúm

F
grip
grips

đau răng

M
mal de queixal
mals de queixal

cháy nắng

F
cremada solar
cremades solars

viêm họng

M
mal de coll
mals de coll

đau bụng

M
mal de panxa
mals de panxa

nhiễm trùng

F
infecció
infeccions

dị ứng

F
al·lèrgia
al·lèrgies

chuột rút

F
rampa
rampes

đau đầu

M
mal de cap
mals de cap

ống tiêm

F
xeringa
xeringues

nặng

F
crossa
crosses

chụp X quang

F
radiografia
radiografies

máy siêu âm

F
màquina d'ultrasò
màquines d'ultrasò

bó bột
nhỏ bé

M
guix
guixos

xe lăn

F
cadira de rodes
cadires de rodes

bó bột
gãy xương

M
guix ortopèdic
guixos ortopèdics

mạch

M
pols
polsos

chấn thương

F
lesió
lesions

cấp cứu

F
emergència
emergències

chấn động

F
commoció
commocions

vết bỏng

F
cremada
cremades

gãy xương

F
fractura
fractures

thuốc tránh thai

F
píndola anticonceptiva
píndoles anticonceptives

thử thai

M
test d'embaràs
tests d'embaràs

Nghề nghiệp

bác sĩ

M
metge
metges

y tá

F
infermera
infermeres

cảnh sát
người

M
policia
policies

tổng thống

M
president
presidents

thuyền trưởng

M
capità
capitans

thám tử

M
detectiu
detectius

phi công

M
pilot
pilots

giáo sư

M
professor
professors

giáo viên

M
professor
professors

luật sư

M
advocat
advocats

thư ký

F
secretària
secretàries

trợ lý

M
ajudant
ajudants

thẩm phán

M
jutge
jutges

quản lý

M
gerent
gerents

đầu bếp

M
cuiner
cuiners

tài xế taxi

M
taxista
taxistes

tài xế xe buýt

M
conductor d'autobús
conductors d'autobús

người mẫu

M
model
models

nghệ sĩ

M
artista
artistes

thủ tướng

M
primer ministre
primers ministres

dược sĩ

M
farmacèutic
farmacèutics

lính cứu hỏa
người

M
bomber
bombers

nha sĩ

M
dentista
dentistes

doanh nhân

M
empresari
empresaris

chính trị gia

M
polític
polítics

lập trình viên

M
programador
programadors

tiếp viên hàng không

F
hostessa
hostesses

nhà khoa học

M
científic
científics

giáo viên mầm non

F
mestra de llar d'infants
mestres de llar d'infants

kiến trúc sư

M
arquitecte
arquitectes

kế toán viên

M
comptable
comptables

tư vấn viên

M
consultor
consultors

công tố viên

M
fiscal
fiscals

tổng quản lý

M
director general
directors generals

vệ sĩ

M
guardaespatlles
guardaespatlles

chủ nhà

M
arrendador
arrendadors

bồi bàn

M
cambrer
cambrers

nhân viên bảo vệ

M
guàrdia de seguretat
guàrdies de seguretat

bộ đội

M
soldat
soldats

ngư dân

M
pescador
pescadors

nhân viên vệ sinh

M
neteja
netejadors

thợ sửa ống nước

M
lampista
lampistes

thợ điện

M
electricista
electricistes

nông dân

M
agricultor
agricultors

lễ tân

M
repcionista
repcionistes

người đưa thư

M
carter
carters

thu ngân

M
caixer
caixers

thợ làm tóc

M
perruquer
perruquers

tác giả

M
autor
autors

nhà báo

M
periodista
periodistes

nhiếp ảnh gia

M
fotògraf
fotògrafs

nhân viên cứu hộ

M
socorrista
socorristes

ca sĩ

M
cantant
cantants

nhạc sĩ

M
músic
músics

diễn viên

M
actor
actors

phóng viên

M
periodista
periodistes

huấn luyện viên

M
entrenador
entrenadors

trọng tài

M
àrbitre
àrbitres

Kinh doanh

tiền

M
diners
diners

văn phòng

F
oficina
oficines

áp lực

M
estrès
estressos

bảo hiểm

F
assegurança
assegurances

nhân viên
công ty

M
personal
personals

bộ phận

M
departament
departaments

lương

M
sou
sous

địa chỉ

F
adreça
adreces

lá thư

F
carta
cartes

số điện thoại

M
número de telèfon
números de telèfon

url

F
url
urls

địa chỉ email

M
correu electrònic
correus electrònics

trang mạng

M
lloc web
llocs web

thư điện tử

M
correu electrònic
correus electrònics

chữ ký

F
signatura
signatures

thua lỗ

F
pèrdua
pèrdues

lợi nhuận

M
benefici
beneficis

khách hàng

M
client
clients

số tiền

F
quantitat
quantitats

thẻ tín dụng

F
targeta de crèdit
targetes de crèdit

mật khẩu

F
contrasenya
contrasenyes

máy rút tiền

M
caixer automàtic
caixers automàtics

thuế

M
impost
impostos

phòng họp

F
sala de reunions
sales de reunions

danh thiếp

F

targeta de negocis
targetes de negocis

công nghệ thông tin

F

informàtica
informatiques

nhân sự

M

recursos humans
recursos humans

bộ phận pháp lý

M

departament legal
departaments legals

kế toán

F

comptabilitat
comptabilitats

tiếp thị

M

màrqueting
màrqueting

bán hàng

F

vendes
vendes

đồng nghiệp

M

col·lega
col·legues

người sử dụng lao động

M

empresari
empresaris

nhân viên
người

M

empleat
empleats

chú thích

F

nota
notes

thuyết trình

F

presentació
presentacions

bìa cứng

F
carpeta
carpetes

con dấu cao su

M
segell de goma
segells de goma

máy chiếu

M
projector
projectors

bưu kiện

M
paquet
paquets

con tem

M
segell
segells

phong bì

M
sobre
sobres

trình duyệt

M
navegador
navegadors

đầu tư

F
inversió
inversions

sàn giao dịch chứng khoán

F
borsa
borses

tiền giấy

M
bitllet
bitllets

tiền xu

F
moneda
monedes

tiền lãi

M
interès
interessos

khoản vay

M
préstec
préstecs

số tài khoản

M
número de compte
números de compte

tài khoản ngân hàng

M
compte bancari
comptes bancaris

Thiết bị

điện thoại

M
telèfon
telèfons

bộ tivi

M
televisor
televisors

máy ảnh

F
càmera
càmeres

đài radio

F
ràdio
ràdios

quạt

M
ventilador
ventiladors

máy điều hòa

M
aire condicionat
aires condicionats

máy pha cà phê

F
cafetera
cafeteres

máy nướng bánh mì

F
torradora
torradores

máy hút bụi

F
aspiradora
aspiradores

máy sấy tóc

M
assecador de cabell
assecadors de cabell

ấm đun nước

M
bullidor d'aigua
bullidors d'aigua

máy rửa chén

M
rentaplats
rentaplats

bếp điện

F
cuina
cuines

lò nướng

M
for
forns

lò vi sóng

M
microones
microones

tủ lạnh

F
nevera
neveres

máy giặt

F
rentadora
rentadores

điều khiển từ xa

M
comandament a distància
comandaments a distància

tai nghe

M
auriculars
auriculars

chuột

M
ratolí
ratolins

bàn phím

M
teclat
teclats

ổ cứng

M
disc dur
discos durs

thanh USB

F
memòria USB
memòries USB

máy quét

M
escàner
escàners

máy in

F
impressora
impressores

màn hình

F
pantalla
pantalles

máy tính xách tay

M
portàtil
portàtils

rô bốt

M
robot
robots

loa

M
altaveu
altaveus

